

TANG THỨC NGƯỜI VIỆT THEO CÔNG GIÁO, PHẬT GIÁO VÀ THEO PHONG TỤC, TÍN NGƯỠNG TRUYỀN THỐNG Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ

NGUYỄN TẮT ĐẠT*

Người Việt nói chung và người Việt vùng Đồng bằng Bắc Bộ nói riêng dù theo tôn giáo hay theo phong tục, tín ngưỡng truyền thống từ ngàn đời nay đều có chung một câu hỏi: “Chết có phải là hết?”

Tuỳ theo quan niệm về cái chết mà người Việt vùng Đồng bằng Bắc Bộ theo tôn giáo nào đó hay theo phong tục, tín ngưỡng truyền thống có tang thức khác nhau. Tang thức còn phụ thuộc vào địa vị xã hội, địa vị tôn giáo của người chết. Bài viết này tìm hiểu những nét chung nhất nghi thức tang lễ của người Việt theo tôn giáo (Phật giáo, Công giáo) và theo phong tục, tín ngưỡng truyền thống ở Đồng bằng Bắc Bộ.

Để tìm hiểu tang thức, chúng ta phải tìm hiểu quan niệm về cái chết của người Việt theo Công giáo, Phật giáo, hay theo phong tục truyền thống. Quan niệm về cái chết bắt đầu từ những câu hỏi cơ bản như con người sinh ra từ đâu và sống như thế nào.

1. Quan niệm về cái chết của người Việt theo Công giáo, Phật giáo và theo phong tục tín ngưỡng truyền thống ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ

a. Quan niệm về cái chết của người Việt theo Công giáo

Theo *Kinh Thánh*, con người do Chúa tạo ra từ đất theo hình ảnh của Chúa và Chúa đã thổi linh hồn vào đó để hoàn thành con người. Con người được tạo ra từ đất, nên khi chết, thể xác con người trở về với cát bụi chỉ có linh hồn do Chúa ban là “không hư, không nát”. Mọi tín đồ Công giáo sẵn sàng đón nhận cái chết, sẵn sàng nhận lệnh khi “Chúa gọi”. Tín đồ Công giáo ví sự ra đi như chuẩn bị đèn dầu sẵn sàng thấp sáng. Và Chúa sẽ đến bất thình lình (không có sự báo trước) như “kẻ ăn trộm” để đón đi. Với người Công giáo, chết nơi trần thế lại là sự bắt đầu của một đời sống mới. Chết không phải là hết, mà là ra đi, là về với Chúa hay về nhà Cha⁽¹⁾. Người Công giáo quan niệm linh hồn sau khi chết được Chúa phán xử khác nhau tuỳ theo từng người sống theo lời răn của Chúa như thế nào: kẻ dữ khi chết linh hồn bị đày xuống Hoả ngục với những hình phạt nặng nề, người lành được Chúa cho lên Thiên Đàng hưởng phúc đời đời. “Các linh hồn là giống thiêng liêng chẳng hề chết được; và

*. ThS., Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh.

1. Nguyễn Hồng Dương. *Nghi lễ và lối sống Công giáo trong văn hoá Việt Nam*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2001, tr. 222.

đến ngày tận thế, xác loài người sẽ sống lại mà chịu phán xét, kẻ lành lên thiên đàng hưởng phúc lộc đời đời; kẻ dữ sa hoả ngục chịu phạt vô cùng⁽²⁾. Đối với người phạm các tội nhẹ, tất nhiên không được lên Thiên Đàng, nhưng cũng không phải xuống Hoả ngục mà chỉ ở nơi Luyện ngục và ở đây nếu linh hồn họ được thân nhân cầu nguyện họ có thể được lên Thiên Đàng. Đây là một trong các lí do tạo ra các nghi lễ tôn giáo đối với người chết.

b. Quan niệm về cái chết của người Việt theo Phật giáo

Con người do tinh cha, huyết mẹ kết hợp với thần thức (thần thức tồn tại được là thông qua thân trung ấm) do nhân duyên mà hợp lại thành người⁽³⁾. Con người không được giải thoát thì sẽ rơi vào vòng luân hồi sinh tử bởi nghiệp mà con người tạo ra trước đó. Tùy theo nghiệp lực họ tạo ra trong đời sống trần thế mà khi chết thần thức của họ sẽ rơi vào các cõi khác nhau. “Thân trung ấm (bardo/intermediate state) nên hiểu đại ý là sự sống sau khi chết trước khi thần thức của người ấy đi tái sinh vào một trong 6 cõi nào đó (Trời, Người, Atula, Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sinh). Thân trung ấm là thân không xác thịt mà là lấy tư tưởng làm thân. Sau khi người ấy chết, thần thức thoát ra khỏi xác thì trụ lại ở thế giới trung gian từ một đến bảy tuần lễ, rồi sau đó đi tìm một nơi thích hợp để tái sinh. Nếu trong thời gian này, thân trung ấm không tìm thấy một nơi thích hợp để tái sinh sẽ lại chết đi sau mỗi bảy ngày, rồi thần thức lại di chuyển qua một thân trung ấm khác, chu kì sinh diệt này cứ lặp lại cho đến khi thần thức đi tái sinh⁽⁴⁾. Như vậy quan điểm của Phật giáo chết cũng không phải là hết mà còn luân hồi trong vòng sinh tử. Quá trình

luân hồi đó thông thường là 49 ngày thân thức của người chết thông qua môi trường trung gian là thân trung ấm rồi tùy vào nghiệp lực của họ mà tiếp tục tái sinh không chỉ 3 cõi mà là 6 cõi: Trời (Tây phương cực lạc), Người, Atula, Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sinh. Chính quan niệm này đã làm nảy sinh nghi lễ cúng, tụng kinh cho người đã chết. Theo một số nhà nghiên cứu thì quan niệm về sự sống cái chết và diễn biến tiếp theo sau khi chết của Phật giáo có rất ráo hơn một số tôn giáo khác.

c. Quan niệm về cái chết của người Việt theo phong tục, tín ngưỡng truyền thống

Người Việt theo phong tục, tín ngưỡng truyền thống quan niệm chết là lúc được an nghỉ, nhàn du tiên cảnh, về nơi suối vàng, chết là về với tổ tiên, ông bà. Chết tức là chết về phần thể xác nhưng linh hồn vẫn tồn tại. Linh hồn sẽ gặp lại tổ tiên nên gọi là sống gửi thác về. Vậy tổ tiên ở đâu? Người Việt cho rằng tổ tiên ở cõi âm và cõi âm thì khác biệt cõi dương, đối lập với cõi dương. Xã hội của cõi âm theo quan niệm của người Việt thì dương sao âm vậy. Khi chết linh hồn có thể quay về cùng với người còn sống, có thể tác động ảnh hưởng tới người còn sống, do đó người còn sống phải thực hành nghi thức tang lễ trang trọng với người chết và thờ cúng đối với người chết. Người chết có thể quay về, ngự trên bàn thờ của con cháu khi con cháu cúng giỗ. Đại thi hào Nguyễn Du viết: “Chết là thể phách còn là tinh anh”. Ông còn viết một bài văn tế cho các linh hồn nổi tiếng có tên là “Văn

2. *Kinh nghĩa đức tin. Sách kinh bốn*. Toà Giám mục Phát Diêm xuất bản, 1991, tr. 35.

3. Thích Nguyên Tang. *Chết và tái sinh*. Tu viện Quảng Đức ấn hành 2001, tr. 10.

4. Thích Nguyên Tang. *Sdd.*, tr. 9.

tế thập loại chúng sinh". Một số nhà nghiên cứu cũng thừa nhận rằng quan điểm nhân sinh của người Việt Nam nói chung, người Việt nói riêng là "chết chưa phải là hết. Tổ tiên luôn ở gần người sống, tự tại trên bàn thờ của mỗi gia đình; động viên trợ giúp con cháu trong cuộc sống thường nhật"⁽⁵⁾.

Như vậy quan điểm nhân sinh của Công giáo, Phật giáo và người Việt có một điểm chung: chết không phải là hết. Nhưng đối với người Việt theo phong tục tín ngưỡng truyền thống, điểm khác là sự gần gũi của linh hồn người chết với người sống, linh hồn người chết không phải xuống Địa ngục hay Thiên Đàng hay vào các cõi của Phật giáo. "Người Việt tin tưởng tổ tiên mình là thiêng liêng. Dù họ có đi vào cõi vĩnh hằng, âm dương cách biệt, song người ta quan niệm ông bà tổ tiên hàng ngày vẫn "sống" cạnh con cháu để phù hộ, độ trì cho hậu thế những lúc rủi ro vận hạn, cũng như chia vui cùng gia quyến khi thành đạt vinh hiển. Ông bà tổ tiên thường khuyên giải, đôi khi quở trách (mà không hề trừng phạt) khi con cháu làm những điều sai trái. Đức bao dung, lượng khoan hồng ở ông bà tổ tiên lúc nào cũng dư thừa. Người ta quan niệm tổ tiên chỉ yên ổn nơi phần mộ hay trên bàn thờ khi con cháu dâng cúng lễ vật thường xuyên, ăn ở thuận hoà, trên dưới nên nếp. Con cháu luôn được sự cư mang, đùm bọc, che chở của người đã khuất. Vì vậy dù tín ngưỡng này không nói gì về Thiên Đàng, Địa ngục, cũng chẳng đề ra ân sủng siêu việt hoặc trừng phạt ghê gớm, chỉ là thứ tín ngưỡng bàng bạc nhưng lại sâu lắng trong lòng nhân dân"⁽⁶⁾. Chính vì quan niệm về cái chết như vậy đã góp phần ảnh hưởng tới nghi thức tang lễ của người Việt theo phong

tục tín ngưỡng truyền thống đối với người chết từ lúc sắp lâm chung đến khi cử hành tang lễ và nghi lễ thờ cúng sau khi chết.

2. Tang thức của người Việt theo Công giáo, Phật Giáo và theo tín ngưỡng phong tục vùng Đồng bằng Bắc Bộ

a. Tang thức của người Việt theo Công giáo

- Nghi thức đối với người rình sinh thì (người sắp qua đời)

Do quan niệm khi tắt thở là sinh thì (chết nơi trần thế là lúc bắt đầu cuộc sống khác nên người sắp qua đời gọi là rình sinh thì). Thân nhân người hấp hối mời linh mục đến làm bí tích sức dầu bệnh nhân. "Bằng phép sức dầu thánh và lời cầu nguyện của các linh mục, toàn thể Hội thánh phó thác bệnh nhân cho Đức Kitô đau khổ và hiển vinh, để người an ủi, cứu rỗi họ. Hơn nữa hội thánh còn thúc giục họ sẵn sàng kết hợp với Đức Kitô chịu đau khổ và chịu chết để mưu ích cho Thiên Chúa"⁽⁷⁾. Cùng với việc xúc dầu, bệnh nhân còn được nhận Mình Thánh Chúa như của ăn đường để chuẩn bị "về quê Trời". Ngoài ra, người rình sinh thì còn được thân nhân và các tín hữu láng giềng tụ tập nhau đọc "kinh cầu cho người hấp hối mong sinh thì".

- Nghi thức đối với người Công giáo qua đời (sinh thì)

Khi tín đồ qua đời, người thân đến báo cho linh mục và Ban Hành giáo xứ biết.

5. Nguyễn Đức Lữ (chủ biên). *Góp Phần tìm hiểu tín ngưỡng dân gian ở Việt Nam*. Nxb. Tôn giáo, 2005, tr. 19.

6. Nguyễn Đức Lữ. Sđd., tr. 79.

7. *Giáo lý Giáo hội Công giáo*. Biên soạn cho giáo dân, 1996, sách lưu hành nội bộ, tr. 269.

Nhà thờ rung chuông để báo tin gọi là chuông sâu hay chuông tử. Hình thức rung chuông mỗi vùng có khác nhau. “ở nhiều xứ đạo Bắc Bộ và Trung Trung Bộ, người nam giới qua đời chuông sẽ rung bảy tiếng rời, rồi rung ba hồi chuông, là nữ giới thì rung chín tiếng rời, rồi rung ba hồi (theo quan niệm nam thất nữ cửu)⁽⁸⁾. Tài liệu điền dã ở xứ Tử Nê (Lương Tài, Bắc Ninh) cho biết nếu người qua đời là người cao tuổi chuông sâu cuối sẽ rung dài, nếu người trẻ tuổi thì rung ngắn. Chuông sâu dành cho linh mục qua đời rung cả ngày đêm cho đến khi lễ an táng kết thúc.

Khi nghe tiếng chuông sâu, tín đồ ngừng việc làm hướng về phía nhà thờ đọc *kính lạy Cha* tỏ lòng thương tiếc đồng đạo. Người chết được đặt trên giường, xung quanh có thể rắc hoa tươi, rồi sau đó được tắm liệm nhập quan “Người Công giáo không quan niệm chết vào giờ lành hay dữ, không chọn ngày giờ tốt đưa tang; không thiết hôn bạch, làm nhà táng, minh tinh, không có linh xa đưa rước linh hồn người qua đời. Tuy nhiên luật buộc một số ngày như Chủ nhật, mùa vọng, mùa chay, Phục sinh, các ngày lễ trọng... không được làm lễ an táng người chết mà phải dời sang ngày khác”⁽⁹⁾.

Địa điểm thực hành nghi lễ an táng được tiến hành ở ba nơi: ở gia đình, tại nhà thờ, tại vườn thánh (nghĩa địa). Thông thường giáo dân thường chọn nghi lễ an táng tại nhà thờ. Quan tài được đưa đến nhà thờ, linh mục đón ở cửa nhà thờ rảy nước thánh lên quan tài. Khi đặt quan tài ở nhà hay nhà thờ đều phải để người qua đời nhìn về phía bàn thờ Chúa. Khi đưa đám chân người qua đời đi trước (ngược lại với người Việt). Nghi thức này

tự trung có hai cách giải thích: Hướng về thánh giá ở phía trước; người Công giáo quan niệm chết là về quê trời (một đi không trở lại)⁽¹⁰⁾. Việc đưa người quá cố ra nghĩa địa được người Công giáo gọi là đưa xác, còn người Việt gọi là đưa ma.

Trong nghi lễ an táng ở vườn thánh (nghĩa địa) linh mục hoặc thừa tác viên tiến hành các nghi thức tiễn biệt cuối cùng với người qua đời theo Giáo hội quy định. Đó là các nghi thức làm phép ngôi mộ mới và nghi thức từ biệt trước khi hạ quan tài xuống huyệt. Người Công giáo cho rằng chết là về với Chúa nên “không có tục cha đưa, mẹ đón (tiễn bố qua đời đi phía sau, tiễn mẹ qua đời đi giật lùi) các hình thức khóc lóc, lăn đường, cắt tóc tang... Giáo hội cấm ngặt”⁽¹¹⁾. Nơi an táng của người theo Công giáo gọi là vườn thánh. Trung tâm vườn thánh có đặt cây thánh giá, nơi gần cây thánh giá chôn những người có chức thánh, những trẻ nhỏ đã chịu phép rửa tội qua đời. Vườn thánh được chôn cất theo thứ tự, có một khu ở góc vườn thánh chôn cất những người lỗi đạo. Có nơi ở vườn thánh có xây ngôi nhà nguyện để tín đồ có thể nghỉ ngơi và cầu nguyện sau khi an táng. Đối với những xứ đạo không có vườn thánh thì người chết phải được linh mục làm phép huyệt trước khi an táng.

- Nghi thức sau lễ an táng

Người Công giáo trước đây không cất mả như người Việt nên họ thường đào sâu, chôn chặt, không cải táng. Tuy nhiên hiện nay, nếu người Công giáo chết chôn tại nghĩa trang Văn Điển, Hà Nội họ vẫn cải táng hoặc hoả táng theo quy định của

8. Nguyễn Hồng Dương. Sdd., tr. 228.

9. Nguyễn Hồng Dương. Sdd., tr. 228.

10. Nguyễn Hồng Dương. Sdd., tr. 423.

11. Nguyễn Hồng Dương. Sdd., tr. 219

Nhà nước. Đối với nghi thức cúng giỗ của phong tục người Việt, có nơi người Công giáo vẫn làm 49 ngày, 100 ngày giỗ đầu và giỗ hết, nhưng cúng đã được thay bằng hình thức cầu nguyện: “ba ngày đi thăm mộ, cầu kinh 49 ngày, 100 ngày lễ và đọc kinh cầu nguyện”⁽¹²⁾.

Chính vì người Công giáo chỉ thờ có Chúa và không tin người chết có thể ảnh hưởng đến người sống nên họ không có nghi lễ giỗ, lập gia phả hay xây từ đường. Điểm này tạo sự khác biệt lớn đối với người Việt theo phong tục tín ngưỡng truyền thống.

b. Nghi thức tang lễ trong Phật giáo

- Nghi thức lúc Phật tử đang phút lâm chung

Theo quan niệm của Phật giáo, nếu con người tu không đạt đến giác ngộ, giải thoát thì vẫn nằm trong luân hồi. Chết là rơi vào một trong sáu cõi. “Những người tu hành đã đắc đạo, họ an lạc tự tại giữa hai bờ sống chết, hoặc có thể tái sinh vào bất cứ cõi nào họ muốn. Còn chúng sinh mê muội phạm phu tục tử đều phải tùy nghiệp mà thọ sinh tức là phải chịu sự dẫn dắt của nghiệp lực về cảnh giới thích ứng cho nghiệp mà mình đã tạo ra. Nói vậy không có nghĩa là Phật tử tin vào thuyết định mệnh, tức là cái đã sắp đặt mọi chuyện, mình phải đi theo cái sẵn có ấy. Ở đây không phải vậy, người Phật tử tin rằng mình là chủ nhân của chính mình, tuy nhiên mình không làm chủ được mình để cho ác nghiệp xảy ra, thì chính cái nghiệp ấy trở lại điều khiển mình”⁽¹³⁾. Phật tử không quan niệm có số mệnh, số mệnh là do nghiệp của ta tạo ra từ thân khẩu ý. Thân khẩu ý thiện sẽ tạo ra nghiệp lực thiện khiến người chết về cõi lành. Thân khẩu ý ác tạo ra nghiệp ác

đi vào cõi ác. Lúc hấp hối người chết thường có điềm báo. Điềm lành báo trước cho người chết về cõi lành và ngược lại. Ví dụ “chết về cõi Tịnh độ thì tâm hồn không bối rối, biết trước ngày giờ chết, nên tắm giặt thay quần áo, tự mình niệm Phật, niệm có tiếng hoặc niệm thầm... Điềm chết về cõi địa ngục thì bà con và con cái nhìn người sắp chết bằng con mắt ghét bỏ, người sắp chết thường đưa hai tay lên rờ mó hư không, người sắp chết kêu gào than khóc, đi ra tiểu tiện, đại tiện mà không biết gì...”⁽¹⁴⁾. Khi người thân là Phật tử đang hấp hối, họ thường báo cho tăng, ni và Ban hộ tự đến để đọc kinh tiếp dẫn độ cho người chết khỏi hoảng hốt. Nếu không có tăng ni, họ thường mời các Phật tử trong làng đến tụng kinh hoặc cùng niệm câu Nam Mô tiếp dẫn đạo sư A Di Đà Phật, hoặc câu Um ma ni Pat me hum. Đọc như vậy cho tới khi người hấp hối trút hơi thở cuối cùng. Họ tránh không kêu khóc vì cho rằng làm như vậy khiến thân thức người chết quyến luyến không rời khỏi thân xác được. Đây cũng là điểm khác với người Việt theo phong tục tín ngưỡng truyền thống.

- Nghi thức ngay sau khi người Phật tử qua đời

Sau khi Phật tử chết, người thân để thi thể ngay ngắn sau ba đến năm giờ đồng hồ thì rửa thi thể người chết bằng bằng nước ấm hoặc rượu cồn, lau khô rồi mặc quần áo mới. Động tác thật nhẹ nhàng êm ái vì theo quan niệm Phật giáo cái chết lâm sàng đến cái chết não bộ là khá lâu. “Điều rất quan trọng là ngay sau khi người ấy chết không được đụng chạm đến thi hài của họ để cho tiến trình chết

12. Nguyễn Hồng Dương. Sdd., tr. 232.

13. Thích Nguyên Tạng. Sdd., tr. 88.

14. Thích Nguyên Tạng. Sdd., tr. 89.

không bị gián đoạn, tiến trình này chỉ chấm dứt khi thân trung ấm (Bardo/intermediate state) hoàn toàn thoát khỏi thân xác⁽¹⁵⁾. Nếu đung chạm mạnh đến thi thể dễ làm người chết đau đớn khó chịu và điều này khiến cho thần thức người chết dễ đầu thai vào cõi ác. Người Phật tử chết, người thân phải sửa sang bàn thờ Phật cho ngay ngắn có hương hoa dâng, rồi lập bàn thờ vong ở dưới cũng trang nghiêm có hoa quả hương đèn, có ảnh người quá cố cùng tên tuổi ngày sinh ngày mất. Như vậy nghi lễ của Phật giáo khác nhiều với Công giáo, Phật giáo vừa có bàn thờ Phật vừa có bàn thờ vong. Sau khi khâm liệm, đóng nắp quan tài thì làm lễ cúng cơm chay. Tăng ni và Phật tử đọc kinh cầu nguyện cho linh hồn được siêu thoát. Khi đưa tiễn người Phật tử ra nghĩa địa tùy từng địa phương mà có thể đưa xe tang, chôn đôn hay ô tô ra nghĩa địa như ở Hà Nội. ở xã Ngọc Mỹ, huyện Quốc oai, tỉnh Hà Tây thì khi đưa tang Phật tử quá cố đầu tiên là lá cờ phướn của Phật giáo in hình con quạ và một cỗ lòng cách điệu. Tiếp sau là các Phật tử nữ gồm những người cao tuổi đội trên đầu một tấm vải dài che chung cho cả hàng (gọi là cầu) tay cầm cờ nhỏ; tiếp đến là vọng chủ khiêng di ảnh người quá cố, rồi đến xe tang chở quan tài người chết, đi sau là tang quyến người thân và bạn bè. Đối với Phật tử thì chiêng trống kèn bát âm không quan trọng bằng tụng kinh, vì tụng kinh giúp cho linh hồn được siêu thoát còn kèn bát âm chỉ là hình thức mà thôi. "Trong tang lễ phần quan trọng nhất là tụng kinh cầu nguyện cho thần hồn người chết siêu thoát, chứ không chú trọng về hình thức cúng kiến, đàn trống nhạc tàu nhạc tây. Những hình thức bề ngoài chỉ làm nở mặt nở mày tang quyến

mà thôi, chứ không ảnh hưởng đến thần thức người quá cố⁽¹⁶⁾. Trước khi lấp đất xuống quan tài, các Phật tử đọc kinh cầu nguyện rồi đội mai táng tiến hành lấp đất an táng. Sau khi an táng xong gia chủ rước vong linh về nhà hoặc về chùa để làm lễ an vị vong linh và di ảnh.

- Nghi thức sau khi an táng

Phật giáo cho rằng chết chưa phải là hết mà thần thức của người chết thoát ra khỏi xác và lưu hành trong cõi không gian gọi là thân trung ấm. Thân trung ấm tùy nghiệp lực mà vận động trong khoảng thời gian bảy ngày và thông thường là bốn chín ngày hoặc không quá một trăm ngày sẽ đầu thai vào một trong sáu cõi. Vì tin tưởng như vậy nên Phật tử chết người thân vẫn thường xuyên cúng cơm nước, đọc kinh cầu nguyện để cho thần thức người chết không hoảng loạn, và được trợ giúp để đầu thai vào cõi lành. Đến ngày thứ bốn chín, thông thường tang chủ thường nhờ tăng ni của một ngôi chùa nơi Phật tử đã sinh sống làm lễ cầu tụng cho linh hồn người chết được về của Phật để được sự che chở và được cầu cúng thường xuyên không bị đói khát. Nghi thức này được Phật tử gọi là đưa ông bà lên chùa. Ngoài ra tùy từng hoàn cảnh gia đình của Phật tử mà tang chủ còn có thể làm các đàn lễ khác để cúng dường, bố thí, hay phóng sinh để tạo thêm công đức cho linh hồn cũng như chuộc lỗi cho linh hồn người mất để họ có duyên vào cõi lành. "Sau lễ An sàng, là cúng tuần thất, cúng bách nhật, cúng tiểu tường (một năm), đại tường (ba năm), nếu gia đình tang quyến có điều kiện nên tổ chức chức lễ trai tăng cúng

15. Thích Nguyên Tạng. Sđd., tr. 15.

16. Thích Nguyên Tạng. Sđd., tr. 94.

đường, bố thí, phóng sinh các loài vật, đi lễ Phật và cúng dường mười chùa, để đem công đức hồi hướng cho vong linh người quá cố để họ thác sinh vào cõi giới an lành⁽¹⁷⁾.

c. Nghi thức tang lễ của người Việt theo tín ngưỡng phong tục truyền thống

- Nghi thức đối với người sắp lâm chung

Chết là chấm dứt một cuộc đời và có ảnh hưởng rất lớn đối với người đang sống. Người Việt theo phong tục tín ngưỡng truyền thống quan niệm rằng người thân của họ trước khi chết thường bộc lộ những điềm báo trước. Về tướng mạo thân sắc thấy hai bên thái dương tối đen. Chung quanh miệng màu vàng hoe bao bọc, hoặc lưỡi thấy màu đen hay màu xanh; có khi thấy lưỡng quyền bị xiên lệch; có khi mắt hay nhìn trộm, còn người khác nhìn thì lại lảng đi; cũng có khi hay vuốt tóc hay vuốt mắt, có khi lời nói khác ngày thường như nói về nhân nghĩa, nói về chuyến đi xa nói về chuyện xa xôi, tang tóc; có khi hay thở dài chép miệng nói trống không, v.v... Đây là những dấu hiệu báo trước thường gặp nơi người sắp mất. Đối với họ, người thân thường quan tâm hơn, tránh đi xa hoặc có ý không làm mất lòng họ, cũng có khi đi cầu cúng xem số mệnh cho họ. Khi họ đang phứt lâm chung thì con cháu người thân thường hỏi họ có trần trối dặn dò gì không? có mong muốn gì không? Hỏi đặt tên húy họ có bằng lòng không? rồi cử người thường xuyên túc trực bên họ; đặt đồng hồ bên cạnh để theo dõi; cho người chuẩn bị hậu sự cho người mất.

- Nghi thức khi người thân vừa qua đời

Theo Tân Việt trong *Một trăm điều nên biết về phong tục Việt Nam*, thì tang

lễ khi người Việt theo phong tục tín ngưỡng truyền thống bao gồm các nghi thức: Lễ mộc dục, lễ phạm hàm, lễ nhập quan, lễ thiết linh, lễ thành phục. Nhưng trước khi thực hiện các nghi thức đó, theo phong tục người Việt thì có trường hợp người chết có thể tỉnh lại hoặc là hồn còn vất vưởng nên phải có nghi thức hú gọi hồn. “Cũng có trường hợp đã tắt thở, tưởng là chết rồi, nhưng một thời gian bỗng nhiên sống trở lại. Do đó với một hi vọng mỏng manh, mặc dầu trong muôn một, người sống tiếc thương muốn cứu vãn... nên cầm chiếc áo của người đã tắt thở leo lên mái nhà chỗ cao nhất hú “ba hồn bảy vía với đàn ông”, “ba hồn chín vía với phụ nữ”. Hú ba lần không được thì đành thôi”⁽¹⁸⁾. Sau đó là lễ mộc dục (tức tắm rửa) được thực hiện cho người vừa mất đồng thời chuẩn bị một con dao chiếc lược, vuông vải nhỏ giống như chuẩn bị cho người đi xa rồi quây màn tắm cho người vừa mất. “Lúc tắm quây màn cho kín, tang chủ quỳ xuống khóc, người hộ việc cũng quỳ xuống và cáo rằng: nay xin tắm gội để sạch bụi trần, xong phục xuống đứng dậy. Cha thì con trai vào tắm, mẹ thì con gái vào tắm. Lấy miếng vải thấm nước hương ngũ vị lau mặt lau người lấy lược chải tóc buộc tóc mặc quần áo cắt móng tay móng chân gói lại để trong quan tài rồi rước thi thể đặt lên giường”⁽¹⁹⁾. Tiếp sau là lễ phạm hàm là để tiền, gạo vào miệng người mất để vong hồn đi đường được siêu thoát không bị tà ma cướp đoạt. Nghi lễ này hiện nay có nơi đã bỏ không thực hiện. Sau cùng là lễ khâm niệm nhập quan. Theo quan niệm người Việt nhập quan cho người chết cần

17. Thích Nguyên Tạng. Sdd., tr., 94.

18. Tân Việt. *Một trăm điều nên biết về phong tục Việt Nam*, Nxb. Văn hoá dân tộc, 1997, tr., 125.

19. Tân Việt. Sdd., tr., 122.

phải chọn giờ tốt. Theo Hoàng Tuấn trong *Nguyên lí chọn ngày tốt xấu theo lịch can, chi* thì giờ tốt có thể lấy các giờ hoàng đạo. Cũng nhiều nơi để giấy bản, tổ tôm hoặc chè khô vào quan tài vừa chống mùi, chống nước và chống tà ma. Khi gấn sơn xong, quan tài được đặt chính giữa nhà. Nếu trong nhà còn người tôn hơn thì quan tài đặt sang bên cạnh. Sau lễ nhập quan là lễ thiết linh đặt bàn thờ tang trên có di ảnh của người vừa mất. Tiếp đến là lễ thành phục con cháu bắt đầu lấy tang phục ra mặc. Theo *Thọ mai gia lễ* của Hồ Hữu Tân (1690 – 1760) thì có năm loại tang phục, nhưng tựu trung tang phục của người Việt là áo, khăn, vải xô trắng. Con trai tang cha chống gậy tre, tang mẹ gậy vông, mũ rơm quấn đầu, dây chuối dây dai thắt lưng. Các buổi tối trước khi an táng người Việt thường thuê phường bát âm tấu nhạc và con cháu túc trực bên linh cữu để cho họ hàng bạn bè thân hữu đến phúng viếng. Người Việt quan niệm: sống dầu đèn, chết kèn trống. Khách vái ba vái thì người con túc trực bên linh cữu vái một vái. Nếu có người con trai nào chưa về kịp thì tang phục và mũ gậy phải để cạnh hương án. Lễ an táng của người Việt được tiến hành vào ban ngày có thể là buổi sáng hoặc đầu buổi chiều. Lễ an táng người Việt gọi là đưa ma theo quan niệm sống làm người, chết làm ma. Chết không phải đã hết mà ma (người chết) vẫn còn ảnh hưởng đến người còn sống. Đi đầu là xe hoặc kiệu rước di ảnh của người mất, rồi đội kèn trống, tiếp theo là đại dư chở linh cữu người mất. Linh cữu luôn luôn được để đằng đầu đi trước, có ý nghĩa hồn tưởng nhớ con cháu mà nhìn lại. Trong đám tang con trai chống gậy theo tục cha đưa mẹ đón. Con gái thì phải lặn đường với ý

nghĩa tiễn thương cha mẹ, cha mẹ mất đi khiến từ nay họ cực khổ, họ tự làm cái kê đường cho người đưa ma dẫm lên thân xác. Đây là một trong những điểm rất khác biệt của người Việt theo tín ngưỡng truyền thống với Công giáo và Phật giáo. Theo sau linh cữu là tang quyến cùng thân hữu. Dọc đường đi bao giờ người Việt cũng rắc tiền vàng mã dọc đường đi gọi là tiền đò, tiền mãi lộ cho người chết đi đến cõi âm được thuận lợi. Riêng người con trưởng đi trước hoặc đi sau xe tang theo phong tục “cha đưa, mẹ đón”. Sau khi hạ huyệt xong, tất cả mọi người đi quanh mộ một vòng, mỗi người ném một hòn đất với ý nghĩa chia tay tiễn biệt mong cho người chết được mồ yên mả đẹp.

- Nghi thức sau khi an táng

Kết thúc lễ an táng, người Việt thường rước vong linh về bàn thờ trong nhà và hàng ngày thực hiện lễ cúng cơm. Lễ cúng cơm rất đơn giản. Đến bữa ăn người nhà dâng lên bàn thờ một bát cơm, chút canh hoặc đĩa muối rồi mời vong linh người mất về dùng bữa. Thời gian lễ cúng cơm có thể là bốn chín hoặc một trăm ngày. Nghi lễ này là sự ảnh hưởng của Phật giáo trong tín ngưỡng phong tục của người Việt khi cho rằng vong hồn sau khi chết vẫn chưa siêu thoát vẫn còn phảng phất quanh quẩn trong nhà chưa đi xa. Kết thúc một trăm ngày, chờ đến một năm sau người Việt làm giỗ đầu gọi là tiểu tường. Đối với lễ tiểu tường khi cúng tế người chết con cháu phải mặc tang phục như ngày đưa ma, trong ngày này người Việt quan niệm dương sao âm vậy nên thường mua vàng mã các loại phương tiện, quần áo để đốt cho người đã khuất. “Trong ngày tiểu tường, khi cúng tế người chết, người sống vận tang phục

như ngày đưa ma, để chứng tỏ với vong hồn người mất nỗi nhớ thương chưa nguôi. Con cháu khi tế lễ cũng khóc như ngày đưa ma⁽²⁰⁾. Sau lễ tiểu tường là lễ đại tường tức là giỗ hết. Trong ngày giỗ hết con cháu tổ chức lễ cúng trang trọng nhưng chủ yếu để tưởng nhớ kỉ niệm về người thân đã mất. Sau lễ đại tường tất cả tang phục đều được đốt bỏ coi là lễ bỏ tang. Trong ngày giỗ hết người Việt cũng thường đốt vàng mã cho người chết vì cho rằng lần đốt vàng mã ở lễ tiểu tường người chết không được dùng nhiều vì còn phải đi lễ những vị quan lại ở dưới âm phủ. Thông thường trong tín ngưỡng phong tục người Việt người chết sau ba năm sẽ làm lễ cải táng hay gọi là bốc mộ (sang nhà mới cho vong). Khi người thân mất, tang gia bối rối, chưa chuẩn bị đầy đủ các điều kiện nên tạm thời an táng gọi là hung táng. Sau ba năm tang chủ có nhiều điều kiện và thời gian để chọn được quan quách, tiểu sành thay cho tấm gỗ ván. Hơn nữa người Việt cho rằng hài cốt ông bà, tổ tiên do chung huyết mạch nên nếu hài cốt đặt nơi đất tốt ẩm cúng sẽ giúp cho con cháu làm ăn thịnh vượng. Đã có những câu thành ngữ phổ biến như “giàu về mồ về mả ai giàu về ruộng cả ao liền”, “giữ như giữ mả tổ”. “Cải táng có nhiều cơ: một vì lúc nghèo túng cha mẹ mất không đủ tiền bạc nên mua tạm tấm gỗ để an táng, ba năm sau phải thay ván sợ ván xấu hại đến di hài. Hai là chỗ đất táng bị sụt lở nước đầy mà phải cải táng. Ba là trong nhà địa lí thấy đất nơi an táng tự nhiên sụt lún, hoặc cây tự nhiên khô héo, trong nhà có kẻ cuồng dâm, hoặc ốm đau lưng cứng, trong nhà có kẻ nghịch ngợm sinh ra kiện cáo lời thỉ thì cho là tại đất nên phải cải táng. Bốn là những người muốn cầu công danh phú

quý, nhờ thầy địa lí tìm đất tốt mà cải táng, lại có người thấy nhà khác phát đạt đem mả nhà mình táng gần mả nhà kia để cầu hưởng dư huệ⁽²¹⁾. Lễ cải táng thường được tiến hành vào ban đêm. Trước hết khai mả rồi nhặt tất cả xương rửa sạch xếp vào tiểu sành đưa đến nơi đất mới đã được chọn để táng và tiến hành xây bia mộ. Người Việt rất chú trọng việc tìm đất tốt theo thuật phong thủy để táng mộ. Đồng thời, họ cũng rất chú trọng đến thời gian và phương hướng của ngôi mộ với niềm tin nếu đặt đúng cách mộ phát sẽ giúp con cháu làm ăn thịnh vượng. Thời gian gần đây việc xây bia mộ diễn ra rầm rộ chi phí rất tốn kém, có nơi biến khu nghĩa địa thành như khu phố với đủ hình dáng kiến trúc màu sắc. Sau khi cải táng, các lần giỗ sau người Việt gọi là giỗ thường là thời gian để con cháu quây quần, sum họp để tưởng nhớ công ơn của người đã khuất.

Khi tìm hiểu tang thức của người Việt theo Công giáo, Phật giáo và theo phong tục tín ngưỡng tín ngưỡng truyền thống ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ chúng ta thấy được nhiều điểm đồng, dị. Những nghi lễ cho người chết góp phần tạo nên đời sống tinh thần, tạo ra phong tục tập quán và các thành tố văn hoá Việt Nam. Nghiên cứu nghi thức tang lễ trong Công giáo, Phật giáo trong tín ngưỡng phong tục truyền thống người Việt là góp phần hiểu thêm một thành tố cấu trúc nên Công giáo, Phật giáo, hiểu thêm về sự ảnh hưởng giao thoa giữa văn hoá người Việt với các tôn giáo ngoại nhập./.

20. Toan Ánh. *Phong tục thờ cúng tổ tiên trong gia đình người Việt*, Nxb. Văn hoá dân tộc, 2001, tr. 22.

21. Tân Việt. Sđd., tr.,145.